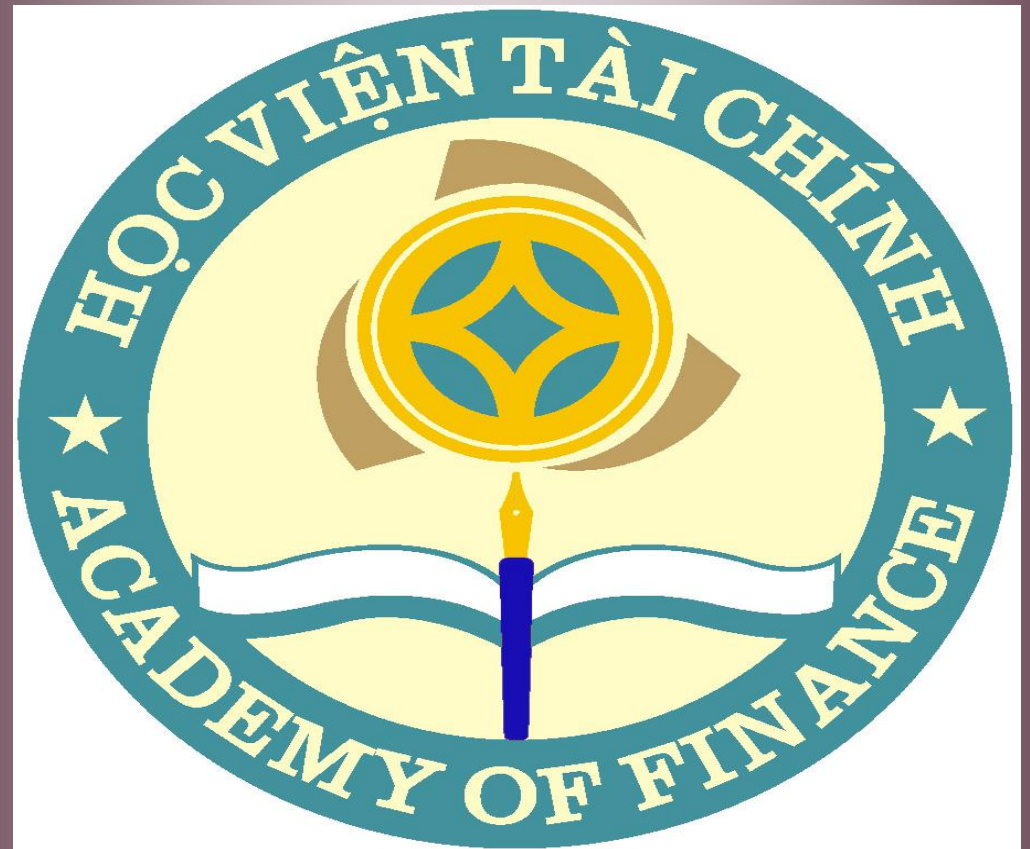


CHƯƠNG 14

LỢI NHUẬN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA DOANH NGHIỆP

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH
BỘ MÔN TCDN



Tài liệu tham khảo

- Tập bài giảng TCDN và hệ thống câu hỏi và bài tập
- Giáo trình TCDN tái bản 2010
- Các sách tham khảo về TCDN
- Nghị định 09/2009/NĐ- CP ngày 05/02/2009
- Các luật thuế GTGT, TTĐB, XNK,...
- Các thông tư hướng dẫn luật thuế

Câu hỏi thảo luận

- 1. Phân biệt chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản xuất?
- 2. Có những loại giá thành sản phẩm nào?
- 3. Hạ giá thành sản phẩm đem lại lợi ích gì cho doanh nghiệp?
- 4. Việc đẩy mạnh tiêu thụ, tăng doanh thu của doanh nghiệp đem lại lợi ích gì cho doanh nghiệp?
- 5. Tại sao lợi nhuận tính thuế có thể khác với lợi nhuận thực tế của doanh nghiệp ?

Câu hỏi thảo luận

- 6. Hãy nêu những lý do phải sử dụng kết hợp chỉ tiêu lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp?
- 7. Vì sao các doanh nghiệp phải trích lập các quỹ của doanh nghiệp như quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi...
- 8. Phân biệt doanh thu bán hàng và tiền thu bán hàng?

NỘI DUNG

- 14.1. Lợi nhuận của DN
 - 14.1.1. Chi phí của doanh nghiệp
 - 14.1.2. Doanh thu và thu nhập khác
 - 14.1.3. Lợi nhuận của DN
- 14.2. Phân phối lợi nhuận và các quỹ của DN
 - 14.2.1. Nguyên tắc và nội dung PPLN của DN
 - 14.2.2. Các loại quỹ được trích lập từ lợi nhuận của DN

14.1.1. Chi phí của doanh nghiệp

14.1.1.1. Chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm

14.1.1.2. Chi phí tài chính

14.1.1.3. Chi phí khác

14.1.1.1. Chi phí SXKD và giá thành sản phẩm

● a. Chi phí SXKD

Khái niệm: là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về vật chất và lao động mà DN bỏ ra để thực hiện sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong một thời kỳ nhất định.

Phân loại: 3 cách

- Tiêu chí phân loại?
- Gồm loại nào?
- Ý nghĩa việc phân loại?

Phân loại CP SXKD

□ Theo tính chất kinh tế

- Gồm 5 yếu tố:

- Ý nghĩa: Dùng lập kế hoạch chi phí SXDK → định hướng trong công tác quản lý

Phân loại CP SXKD

- Theo công dụng kinh tế và địa điểm phát sinh
 - Gồm 5 khoản mục chi phí:
 - Ý nghĩa: Là cơ sở tính GTSP → xác định kết quả SXKD của DN

Phân loại chi phí SXKD

□ Theo mối quan hệ giữa chi phí và sản lượng

- Gồm 2 loại:

- Ý nghĩa: giúp phân tích hòa vốn → lựa chọn kế hoạch kinh doanh, chính sách đầu tư hợp lý

14.1.1. Chi phí SXKD và giá thành sản phẩm

- **b. Giá thành sản phẩm**

- **Khái niệm:** Thể hiện hao phí cá biệt của DN để thực hiện sản xuất và tiêu thụ một đơn vị sản phẩm nhất định
- **Ý nghĩa:**
 - Là thước đo hao phí sx và tiêu thụ 1 ddvsp, là căn cứ xác định hiệu quả HĐKD
 - Là công cụ kiểm tra giám sát tình hình sử dụng chi phí
 - Là căn cứ xây dựng chính sách bán sản phẩm

14.1.1. Chi phí SXKD và giá thành sản phẩm

- **Giá thành sản phẩm**

- Nội dung giá thành sản phẩm

Công thức xác định:

- Tổng giá thành sp = Cp dở dang đầu kỳ + Cp phát sinh trong kỳ - Cp dở dang cuối kỳ
- Giá thành đvsp = Tổng giá thành sp / Số lượng spsx

14.1.1. Chi phí SXKD và giá thành sản phẩm

- **b. Giá thành sản phẩm**

- Phân loại

- Căn cứ: Theo phạm vi chi phí tính vào giá thành

- Gồm 2 loại:

- +Giá thành sản xuất

- +Giá thành toàn bộ

14.1.1. Chi phí SXKD và giá thành sản phẩm

- b. Giá thành sản phẩm

- Hạ giá thành sản phẩm

- Ý nghĩa:

+Trực tiếp làm tăng lợi nhuận DN

+Tạo điều kiện DN tiêu thụ sản phẩm tốt do có thể hạ giá bán, thu hút khách hàng, tăng thị phần, nâng cao cạnh tranh,..

+Tạo điều kiện mở rộng quy mô sxsp, hàng hóa do tiết kiệm chi phí đầu vào, hao phí ddovsp ít hơn → tổng mức tiêu hao như cũ tạo ra nhiều sản phẩm hơn

14.1.1. Chi phí SXKD và giá thành sản phẩm

- b. Giá thành sản phẩm

- Hạ giá thành sản phẩm

- Chỉ tiêu đánh giá:

- +Mức hạ giá thành: $M_z = \sum (Q_{i1} z_{i1} - Q_{i1} z_{i0})$

- +Tỷ lệ hạ giá thành: $T_z (\%) = \frac{M_z}{\sum Q_{i1} z_{i1}} \times 100\%$

14.1.1. Chi phí SXKD và giá thành sản phẩm

- **C. Nội dung quản trị chi phí và giá thành sản phẩm**
 - ❑ Xây dựng định mức tiêu hao về nguyên vật liệu, lao động
→ giảm lãng phí
 - ❑ Quản lý đơn giá nguyên vật liệu, lao động
 - ❑ Lập dự toán chi phí SXKD
 - ❑ Quản lý chặt chẽ quá trình sử dụng nvl, lao động,..
 - ❑ Phân tích, theo dõi đảm bảo điều chỉnh kịp thời

14.1.2. Doanh thu và thu nhập khác

- a. Doanh thu bán hàng
- b. Doanh thu hoạt động tài chính
- c. Thu nhập khác

a. Doanh thu bán hàng

- ❑ **Khái niệm:** Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ lợi ích kinh tế mà DN thu được từ việc bán sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ trong một thời kỳ nhất định.
- ❑ Công thức xác định:
 - Doanh thu bán hàng = $\sum (Q_{ti} \times P_i)$
 - + Q_{ti} : Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất bán trong kỳ
 - + P_i : Giá bán đơn vị sản phẩm
 - + i : Loại sản phẩm i
 - Doanh thu thuần bán hàng =

a. Doanh thu bán hàng

- ❑ Thời điểm ghi nhận DTBH: Đã xuất giao sản phẩm và hàng hóa cho khách hàng và được chấp nhận thanh toán
- ❑ Nhân tố ảnh hưởng:- Sản lượng tiêu thụ
 - Giá bán sản phẩm
 - Kết cấu hàng bán
 - Chất lượng và mẫu mã sản phẩm
 - Dịch vụ hỗ trợ trước, trong và sau bán hàng
- ❑ Nội dung công tác quản trị DT: Lập kế hoạch DT ngắn & dài hạn, xây dựng chính sách tín dụng thương mại, chiết khấu bán hàng, quản lý chặt chẽ công tác bán hàng và thu hồi công nợ.

b. Doanh thu hoạt động tài chính

- Là giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ do các hoạt động tài chính mang lại

c. Thu nhập khác

- ❑ Là các khoản thu được trong kỳ do các hoạt động không thường xuyên tạo ra

14.1.3. Lợi nhuận của DN

- a. Khái niệm và cách xác định

- ❑ **Khái niệm:** Lợi nhuận DN là chênh lệch giữa DT và chi phí mà DN đã bỏ ra để đạt được DT đó từ các hoạt động của DN trong một thời kỳ nhất định.
- ❑ Cách xác định
 - ❑ - Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh =
 - ❑ - Lợi nhuận hoạt động tài chính =
 - ❑ - Lợi nhuận khác =
 - ❑ - Tổng lợi nhuận trước thuế =
 - ❑ - Lợi nhuận sau thuế =

14.1.3. Lợi nhuận của DN

❑ Hoặc có thể xác định bằng cách sau:

❑ Cách xác định:

$EBIT = \text{Doanh thu thuần} - \text{Tổng chi phí SXKD}$

hoặc $= \text{Doanh thu thuần} - \text{Tổng giá thành toàn bộ}$

$EBT = EBIT - I$

$NI = EBT \times (1-t)$

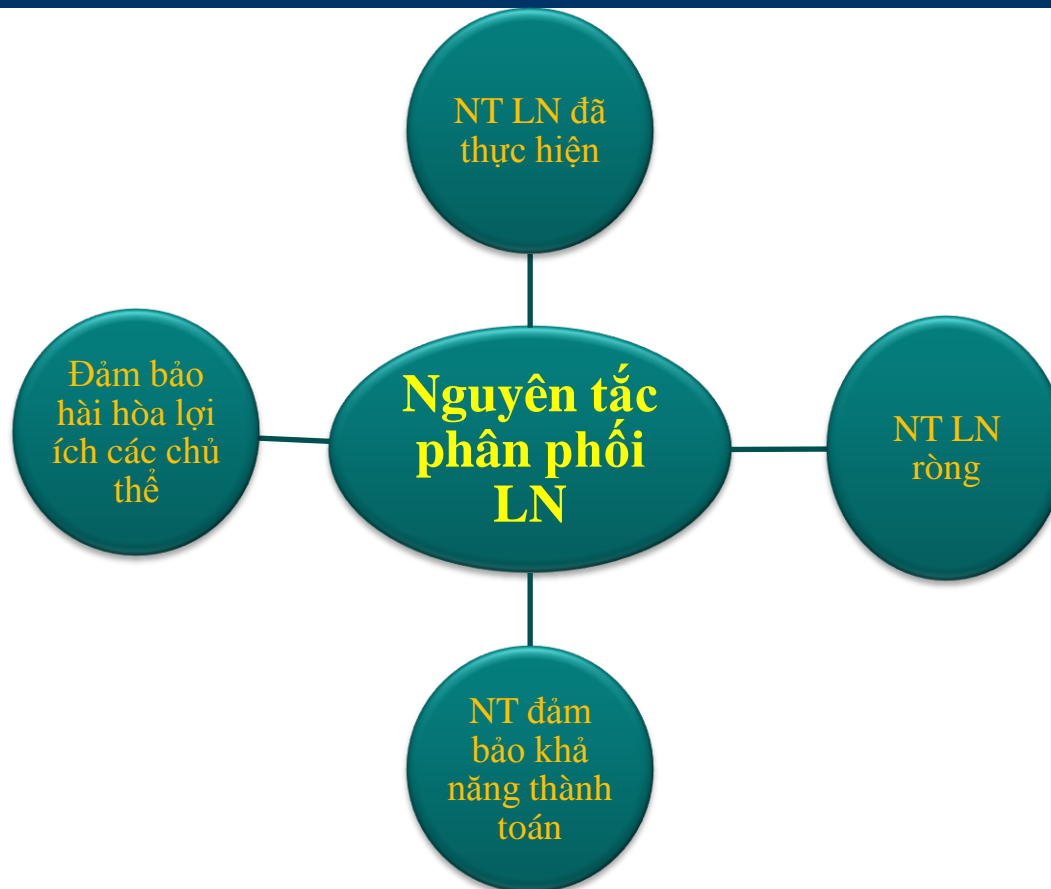
14.1.3. Lợi nhuận của DN

- **b. Ý nghĩa của lợi nhuận**
 - ❑ Kích thích mọi mặt hoạt động sxkd của DN
 - ❑ Thúc đẩy giá cổ phần trên thị trường
 - ❑ Là nguồn tích lũy bổ sung vốn sxkd
 - ❑ Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động sxkd của DN:
 - Chỉ tiêu lợi nhuận
 - Tỷ suất lợi nhuận: +Tỷ suất lợi nhuận doanh thu
+Tỷ suất lợi nhuận vốn kinh doanh
+Tỷ suất lợi nhuận vô chủ sở hữu

14.3.1. Lợi nhuận của DN

- **c. Biện pháp quản trị lợi nhuận của DN**
- **Hướng tác động:**
 - Tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm
 - Tăng doanh thu của DN
- **Biện pháp cụ thể:**
 - Xây dựng kế hoạch lợi nhuận
 - Phân tích thường xuyên tình hình thực hiện lợi nhuận để có biện pháp điều chỉnh kịp thời
 - Kích thích người lao động.....

14.2. Phân phối lợi nhuận và các quỹ của doanh nghiệp



14.2. Phân phối lợi nhuận và các quỹ của doanh nghiệp

- 14.2.1. Nguyên tắc và nội dung phân phối lợi nhuận của DN
- Nguyên tắc
 - Nguyên tắc lợi nhuận đã thực hiện
 - Nguyên tắc lợi nhuận ròng
 - Nguyên tắc đảm bảo khả năng thanh toán
 - Nguyên tắc đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các chủ thể

14.2. Phân phối lợi nhuận và các quỹ của doanh nghiệp

- **Nội dung phân phối lợi nhuận của DN**
 - ❑ Lợi nhuận trước thuế thu nhập
 - ❑ Chuyển lỗ các năm trước (theo quy định luật thuế thu nhập doanh nghiệp)
 - ❑ Nộp thuế TNDN
 - ❑ Bù đắp khoản lỗ của năm trước đã hết hạn (nếu có)
 - ❑ Lập quỹ dự phòng
 - ❑ Lập quỹ đầu tư phát triển
 - ❑ Đáp ứng nhu cầu tiêu dùng khác

14.2.2. Các loại quỹ được trích lập từ lợi nhuận của DN

